

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**Câu 1:** Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. giáp đỉnh tầng bình lưu. B. giáp đỉnh tầng giữa.
C. giáp tầng ô-dôn. D. giáp đỉnh tầng đối lưu.

Câu 2: Gió Mậu dịch có tính chất

- A. lạnh, ít mưa. B. ẩm, mưa nhiều.
C. nóng, mưa nhiều. D. khô, ít mưa.

Câu 3: Khi ba thiên thể Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào thì dao động của thủy triều lớn nhất?

- A. Trăng hàng. B. Đối xứng. C. Vòng cung. D. Vuông góc.

Câu 4: Nguyên nhân sinh ra các mùa trên Trái Đất là do

- A. trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương khi tự quay quanh Mặt Trời.
B. Trái Đất hình cầu, tự quay quanh trục và nghiêng theo phương cố định.
C. Trái Đất tự chuyển động quay quanh Mặt Trời.
D. Trái Đất tự chuyển động tự quay quanh trục.

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Sự thay đổi của biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lý trên Trái Đất (°C)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Bán cầu Bắc	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0
Bán cầu Nam	1,8	5,9	7,0	4,9	4,3	11,8	19,5	28,7

Nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lý?

- A. Càng về ở xích đạo, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.
B. Càng lên vĩ độ cao, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.
C. Biên độ nhiệt năm ở vĩ độ thấp lớn hơn ở vĩ độ cao.
D. Biên độ nhiệt năm ở các vĩ độ bán cầu Bắc nhỏ hơn bán cầu Nam.

Câu 6: Theo quy ước, nếu đi từ tây sang đông qua kinh tuyến 180° thì

- A. tăng thêm một ngày lịch. B. tăng thêm hai ngày lịch.
C. lùi lại hai ngày lịch. D. lùi lại một ngày lịch.

Câu 7: Nội lực là lực phát sinh từ

- A. nhân của Trái Đất. B. bên trong Trái Đất.
C. bức xạ của Mặt Trời. D. bên ngoài Trái Đất.

Câu 8: Về mùa hạ, ở các địa điểm trên bán cầu Bắc luôn có

- A. ngày dài hơn đêm. B. toàn ngày hoặc đêm.
C. ngày đêm bằng nhau. D. đêm dài hơn ngày,

Câu 9: Vận động nào sau đây tạo ra các dạng địa hào, địa lũy?

- A. Theo phương nằm ngang ở vùng đá mềm.
B. Theo phương nằm ngang ở vùng đá cứng.
C. Theo phương thẳng đứng ở vùng có đá cứng
D. Theo phương thẳng đứng ở vùng đá dẻo.

Câu 10: Đất được hình thành do tác động đồng thời của các nhân tố

- A. khí hậu, thạch quyển, sinh vật, địa hình, con người.
B. đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình, thời gian, con người.

C. khí hậu, sinh vật, địa hình, con người, khoáng sản.

D. đá mẹ, sông ngòi, sinh vật, địa hình, con người.

Câu 11: Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để sử dụng lâu dài nguồn nước ngọt trên Trái Đất?

A. Phân phối lại nguồn nước ngọt.

B. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

C. Nâng cao sự nhận thức.

D. Giữ sạch nguồn nước.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây đúng với ảnh hưởng của đất tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

A. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.

B. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.

C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.

D. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.

Câu 13: Ở nơi địa hình dốc, tầng đất thường

A. dày do bồi tụ.

B. dày, giàu chất dinh dưỡng.

C. bạc màu, ít chất dinh dưỡng.

D. mỏng, dễ xói mòn.

Câu 14: Nội lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua

A. quá trình vận chuyển.

B. vận động kiến tạo.

C. quá trình xâm thực.

D. quá trình phong hóa.

Câu 15: Trong việc hình thành đất, khí hậu **không** có vai trò nào sau đây?

A. Làm cho đá gốc bị phân huỷ về mặt vật lí.

B. Ảnh hưởng đến hoà tan, rửa trôi vật chất.

C. Tạo môi trường cho hoạt động vi sinh vật.

D. Cung cấp vật chất hữu cơ và khí cho đất.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1(3,0 điểm): Cho bảng số liệu:

Lưu lượng nước trung bình của sông Đà Rằng (qua trạm Củng Sơn)

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	129	77	47	45	85	170	155	250	368	682	935	332

a. Tính lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng.

b. Vẽ biểu đồ thể hiện lưu lượng nước trung bình các tháng của sông Đà Rằng.

c. Nhận xét mùa lũ, mùa cạn(mùa lũ vào tháng nào, mùa cạn vào tháng nào), và giải thích nguyên nhân.

Câu 2(2,0 điểm): Phân tích nhân tố khí hậu, nước ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật trên trái Đất.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5
C	D	A	A	B
6	7	8	9	10
D	B	A	B	B
11	12	13	14	15
B	A	D	B	D

II. PHẦN TỰ LUẬN

CÂU	ĐÁP ÁN	THANG ĐIỂM
1	a. Tính lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng. - Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng: $273\text{m}^3/\text{s}$	0,5 đ
	b. - Vẽ biểu đồ đường (thiếu đơn vị, tháng – 0,25 đ)	1,5 đ
	c. - Nhận xét : - Mùa lũ từ tháng 9 đến tháng 12 - mùa cạn từ tháng 1 đến tháng 8 - Nguyên nhân: do lưu vực của sông Đà Rằng nằm trong khu vực có mưa vào thu - đông.	0,5đ
		0,5đ
2	Nhân tố Khí hậu, nước ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật trên trái Đất.	2 điểm
	+ Khí hậu:	
	- Ánh sáng: thực hiện quá trình quang hợp, khả năng định hướng và sinh sản của ĐV.	0,5đ
	- Nhiệt độ: ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển, qui định vùng phân bố.	0,5đ
	+ Nước:	
	- Nguyên liệu cho cây quang hợp, trao đổi chất ở động vật.	0,5đ
	- Nguồn nước dồi dào SV phát triển.	0,25đ
	- Hoang mạc khô hạn SV ít.	0,25đ